

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-35

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phương	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

---

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



---

**Hoàng Minh Anh Tú**

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2017

Số: 847/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 14 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



---

**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

---

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>88,267,120,601</b>	<b>105,785,129,639</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>14,717,528,066</b>	<b>36,743,669,899</b>
111	1. Tiền		7,717,528,066	13,644,018,102
112	2. Các khoản tương đương tiền		7,000,000,000	23,099,651,797
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>21,700,000,000</b>	<b>9,500,000,000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		21,700,000,000	9,500,000,000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>34,399,560,254</b>	<b>30,639,310,479</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	30,083,407,868	25,217,077,036
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	73,321,543	2,165,428,793
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4,000,000,000	3,000,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	268,830,843	256,804,650
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(26,000,000)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>16,957,424,241</b>	<b>28,589,106,994</b>
141	1. Hàng tồn kho		16,957,424,241	28,589,106,994
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>492,608,040</b>	<b>313,042,267</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	492,608,040	269,289,375
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	43,752,892
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>117,819,315,100</b>	<b>107,865,678,873</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>15,000,000,000</b>	-
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	15,000,000,000	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>31,872,228,149</b>	<b>32,387,316,385</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	27,265,210,286	27,458,686,236
222	- Nguyên giá		86,711,530,699	80,519,608,302
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59,446,320,413)	(53,060,922,066)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4,607,017,863	4,928,630,149
228	- Nguyên giá		6,874,587,997	6,874,587,997
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,267,570,134)	(1,945,957,848)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>33,081,579,879</b>	<b>35,004,253,407</b>
231	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19,375,392,310)	(17,452,718,782)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2,403,498,771</b>	<b>1,065,554,594</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2,403,498,771	1,065,554,594
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>34,822,329,200</b>	<b>37,745,629,554</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		30,000,000,000	34,000,021,370
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4,700,000,000	4,700,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122,329,200	122,329,200
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(1,076,721,016)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>639,679,101</b>	<b>1,662,924,933</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	639,679,101	1,662,924,933
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>206,086,435,701</b>	<b>213,650,808,512</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7,917,541,364</b>	<b>16,609,420,537</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7,917,541,364</b>	<b>16,609,420,537</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	2,936,834,492	3,512,741,015
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		416,147,086	757,358,086
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	541,424,427	205,231,199
314	4. Phải trả người lao động		897,485,000	947,944,000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	65,849,112
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	3,063,096,154	2,902,573,694
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	8,217,723,431
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		62,554,205	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>198,168,894,337</b>	<b>197,041,387,975</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>198,168,894,337</b>	<b>197,041,387,975</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61,725,230,000	61,725,230,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		61,725,230,000	61,725,230,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137,662,054,443	137,662,054,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		1,758,775,074	1,477,656,109
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6,548,471,380	5,702,083,983
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		1,697,643,513	(1,665,589,528)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		4,850,827,867	7,367,673,511
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>206,086,435,701</b>	<b>213,650,808,512</b>


Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Người lập

Nguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởngHoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2017



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	84,248,556,581	111,223,276,024
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		7,060,800	525,927,510
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		84,241,495,781	110,697,348,514
11	4. Giá vốn hàng bán	22	75,181,850,448	99,357,515,404
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9,059,645,333	11,339,833,110
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4,909,646,464	4,501,069,793
22	7. Chi phí tài chính	24	299,402,583	546,223,665
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		146,996,468	195,154,594
25	8. Chi phí bán hàng	25	1,689,572,578	2,185,197,899
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7,159,021,839	5,897,093,134
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4,821,294,797	7,212,388,205
31	11. Thu nhập khác		36,662,903	159,548,432
32	12. Chi phí khác		7,129,833	4,263,126
40	13. Lợi nhuận khác		29,533,070	155,285,306
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4,850,827,867	7,367,673,511
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4,850,827,867	7,367,673,511

Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Người lập

Nguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2017

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>4,850,827,867</b>	<b>7,367,673,511</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8,724,074,336	8,225,885,560
03	- Các khoản dự phòng		26,000,000	38,441,140
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		25,208,891	14,215,426
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4,756,733,349)	(4,311,241,981)
06	- Chi phí lãi vay		146,996,468	195,154,594
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>9,016,374,213</b>	<b>11,530,128,250</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2,731,080,810)	(8,537,649,354)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		11,631,682,753	16,266,917,529
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(583,647,605)	(1,024,409,270)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		799,927,167	211,735,201
14	- Tiền lãi vay đã trả		(146,996,468)	(195,154,594)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>17,986,259,250</b>	<b>18,251,567,762</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7,675,321,119)	(4,238,287,867)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		87,727,273	150,815,087
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(43,400,000,000)	(12,500,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		15,200,000,000	1,081,496,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1,341,027,851)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2,923,300,354	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4,490,089,613	4,781,241,981
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(28,374,203,879)</b>	<b>(12,065,762,650)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		3,892,621,123	16,221,794,238
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(12,110,344,554)	(15,483,628,871)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3,421,008,600)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(11,638,732,031)</b>	<b>738,165,367</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(22,026,676,660)</b>	<b>6,923,970,479</b>

## **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

*Năm 2016*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		36,743,669,899	29,807,489,309
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		534,827	12,210,111
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<b>14,717,528,066</b>	<b>36,743,669,899</b>



**Nguyễn Thị Ngọc Duyên**  
Người lập

**Nguyễn Thị Xuân**  
Kế toán trưởng

**Hoàng Minh Anh Tú**  
Tổng Giám đốc

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2017*

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Năm 2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.230.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 61,725,230,000 đồng; tương đương 6,172,523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Trong năm 2016, Công ty đang thực hiện quá trình chuyển giao hoạt động sản xuất túi xốp cho Công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc. Điều này dẫn tới doanh thu bán hàng hóa thành phẩm của Công ty trong năm giảm so với năm trước, đồng thời giá trị hàng tồn kho phục vụ cho quá trình sản xuất và tiêu thụ túi xốp cũng giảm tương ứng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

<b>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Xí nghiệp In tổng hợp Alta	TP Hồ Chí Minh	In ấn
Xí nghiệp In Đa Phương Tiện	TP Hồ Chí Minh	In ấn, sản xuất phim
Trung tâm giải trí, rạp Cinemax	TP Hồ Chí Minh	TT giải trí, rạp 3D-4D
Trung tâm Tiệc Cưới & Giải Trí Unique	TP Hồ Chí Minh	Dịch vụ tổ chức tiệc cưới và giải trí

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm
- Quyền sử dụng đất	40 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	04 - 06 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
--------------------------	-------------

## **2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## **2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



## **2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.17 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước) và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

## **2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.21 . Chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3,235,416,597	7,741,645,229
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4,482,111,469	5,902,372,873
Các khoản tương đương tiền	7,000,000,000	23,099,651,797
	<u><b>14,717,528,066</b></u>	<u><b>36,743,669,899</b></u>

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,0 %/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	21,700,000,000	21,700,000,000	9,500,000,000	9,500,000,000
	<b>21,700,000,000</b>	<b>21,700,000,000</b>	<b>9,500,000,000</b>	<b>9,500,000,000</b>

Tại 31/12/2016, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,2 %/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>30,000,000,000</b>	-	<b>34,000,021,370</b>	<b>(1,076,721,016)</b>
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc <sup>(1)</sup>	20,000,000,000	-	20,000,000,000	-
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	10,000,000,000	-	10,000,000,000	-
- Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt <sup>(2)</sup>	-	-	4,000,021,370	(1,076,721,016)
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>4,700,000,000</b>	-	<b>4,700,000,000</b>	-
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4,700,000,000	-	4,700,000,000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>122,329,200</b>	-	<b>122,329,200</b>	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62,829,200	-	62,829,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa	59,500,000	-	59,500,000	-
	<b>34,822,329,200</b>	-	<b>38,822,350,570</b>	<b>(1,076,721,016)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Đến thời điểm 31/12/2016, Lỗ lũy kế của Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc là 2.875.749.339 đồng. Đây là Công ty con mới thành lập từ năm 2014 của Công ty, đến năm 2015 Công ty mới hoàn tất thủ tục góp đủ vốn điều lệ cho Công ty này. Do vậy, khoản lỗ từ hoạt động kinh doanh nêu trên nằm trong kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư và Công ty không trích lập dự phòng đầu tư dài hạn đối với khoản đầu tư này.

(2) Công ty TNHH Hợp tác- Phát triển Đan Việt đã hoàn tất thủ tục giải thể trong năm 2016.

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	In ấn và quảng cáo

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	5,839,570,644	4,998,313,065
- Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	18,035,996,014	10,504,890,892
- Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	3,516,136,080	2,746,620,838
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2,691,705,130	6,967,252,241
	<b>30,083,407,868</b>	<b>25,217,077,036</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Borouge pte Ltd co	-	-	1,322,417,250	-
Iwerks	-	-	785,600,000	-
Entertainment inc				
Trả trước cho người bán khác	73,321,543	-	57,411,543	-
	<b>73,321,543</b>	<b>-</b>	<b>2,165,428,793</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
- Công Ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Minh Anh	-	3,000,000,000
- Các khoản cho vay cá nhân (1)	4,000,000,000	-
	<b>4,000,000,000</b>	<b>3,000,000,000</b>
<b>b) Phải thu về cho vay dài hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ và Dịch Vụ Truyền Thông Âu Lạc (2)	15,000,000,000	-
	<b>15,000,000,000</b>	<b>-</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

(1) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và cá nhân với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tổng số tiền cho vay: 4.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 02 tháng kể từ ngày nhận tiền;
- + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay dài hạn:**

(2) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tổng số tiền cho vay: 15.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 24 tháng kể từ ngày nhận tiền;
- + Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 15.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

**8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	229,980,833	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	4,326,065	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	806,775	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	128,960	-
Phải thu khác	38,850,010	-	251,542,850	-
	<b>268,830,843</b>	<b>-</b>	<b>256,804,650</b>	<b>-</b>

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH SX &TM XNK Tân Đình Phong	26,000,000	-	26,000,000	26,000,000
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ LTT (*)	570,512,033	570,512,033	570,512,033	570,512,033
- Các khoản khác	59,865,543	59,865,543	59,865,543	59,865,543
	<b>656,377,576</b>	<b>630,377,576</b>	<b>656,377,576</b>	<b>656,377,576</b>

(\*) Khoản Công nợ đối với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ LTT đã được Công ty này cam kết thanh toán trong năm 2017 nên Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ này.

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13,350,026,524	-	20,812,856,770	-
Công cụ, dụng cụ	342,263,606	-	754,970,412	-
Thành phẩm	1,277,855,859	-	5,417,764,281	-
Hàng hoá	1,987,278,252	-	1,603,515,531	-
	<b>16,957,424,241</b>	<b>-</b>	<b>28,589,106,994</b>	<b>-</b>

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>2,403,498,771</b>	-
- Mua sắm căn hộ	2,403,498,771	-
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	-	<b>1,065,554,594</b>
- Chi phí sửa chữa rạp 3D Suối tiên	-	644,139,038
- Chi phí sửa chữa các công trình khác	-	421,415,556
	<b>2,403,498,771</b>	<b>1,065,554,594</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	24,817,754,997	52,334,392,254	2,601,592,791	659,610,160	106,258,100	80,519,608,302
- Mua trong năm	-	-	1,818,892,455	-	-	1,818,892,455
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1,393,174,901	3,125,309,586	-	-	-	4,518,484,487
- Thanh lý, nhượng bán	-	(145,454,545)	-	-	-	(145,454,545)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>26,210,929,898</b>	<b>55,314,247,295</b>	<b>4,420,485,246</b>	<b>659,610,160</b>	<b>106,258,100</b>	<b>86,711,530,699</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	14,937,936,805	36,259,226,742	1,446,745,025	334,663,482	82,350,012	53,060,922,066
- Khấu hao trong năm	1,483,021,357	4,445,981,412	375,748,236	164,411,709	10,625,808	6,479,788,522
- Thanh lý, nhượng bán	-	(94,390,175)	-	-	-	(94,390,175)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16,420,958,162</b>	<b>40,610,817,979</b>	<b>1,822,493,261</b>	<b>499,075,191</b>	<b>92,975,820</b>	<b>59,446,320,413</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	9,879,818,192	16,075,165,512	1,154,847,766	324,946,678	23,908,088	27,458,686,236
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>9,789,971,736</b>	<b>14,703,429,316</b>	<b>2,597,991,985</b>	<b>160,534,969</b>	<b>13,282,280</b>	<b>27,265,210,286</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.522.950.318 đồng.



**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6,237,885,093	636,702,904	6,874,587,997
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6,237,885,093</b>	<b>636,702,904</b>	<b>6,874,587,997</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1,531,456,798	414,501,050	1,945,957,848
- Khấu hao trong năm	149,410,416	172,201,870	321,612,286
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1,680,867,214</b>	<b>586,702,920</b>	<b>2,267,570,134</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	4,706,428,295	222,201,854	4,928,630,149
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>4,557,017,879</b>	<b>49,999,984</b>	<b>4,607,017,863</b>

**14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2016 là 19.375.392.310 đồng, trong đó khấu hao trong năm là 1.922.673.528 đồng.

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	492,608,040	269,289,375
	<b>492,608,040</b>	<b>269,289,375</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	322,821,968	822,538,416
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	232,626,355	344,287,003
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	84,230,778	325,768,896
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	-	170,330,618
	<b>639,679,101</b>	<b>1,662,924,933</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Gulf polymers Distribution Company	-	-	1,989,810,900	1,989,810,900
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Lê Trần	370,707,150	370,707,150	395,362,550	395,362,550
- LED Display Sourcing (HK) Co. Ltd	1,158,212,599	1,158,212,599	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	1,407,914,743	1,407,914,743	1,127,567,565	1,127,567,565
	<b>2,936,834,492</b>	<b>2,936,834,492</b>	<b>3,512,741,015</b>	<b>3,512,741,015</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	205,231,199	3,958,083,368	3,631,014,040	-	532,300,527
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	82,504,932	82,504,932	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	43,752,892	-	150,775,144	97,898,352	-	9,123,900
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	56,209,591	56,209,591	-	-
Các loại thuế khác	-	-	76,949,911	76,949,911	-	-
	<b>43,752,892</b>	<b>205,231,199</b>	<b>4,324,522,946</b>	<b>3,944,576,826</b>	<b>-</b>	<b>541,424,427</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Bảo hiểm y tế	24,870,700	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,868,196,872	1,499,472,552
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	28,491,140	7,297,200
- Quỹ phải trả người lao động	1,133,287,442	1,390,553,942
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8,250,000	5,250,000
	<b>3,063,096,154</b>	<b>2,902,573,694</b>

## 19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>58,480,640,000</b>	<b>140,906,644,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>4,368,550,442</b>	<b>(4,556,483,861)</b>	<b>189,673,714,464</b>
Tăng vốn trong năm trước	3,244,590,000	(3,244,590,000)	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	7,367,673,511	7,367,673,511
Hoàn nhập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	(2,890,894,333)	2,890,894,333	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>61,725,230,000</b>	<b>137,662,054,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>1,477,656,109</b>	<b>5,702,083,983</b>	<b>197,041,387,975</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>61,725,230,000</b>	<b>137,662,054,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>1,477,656,109</b>	<b>5,702,083,983</b>	<b>197,041,387,975</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	4,850,827,867	4,850,827,867
Phân phối lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	281,118,965	(4,004,440,470)	(3,723,321,505)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>61,725,230,000</b>	<b>137,662,054,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>1,758,775,074</b>	<b>6,548,471,380</b>	<b>198,168,894,337</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCD ngày 14 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận còn lại được phân phối năm 2015	100.00%	4,345,791,866
Trích Quỹ đầu tư phát triển	6.47%	281,118,965
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.47%	281,118,965
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	79.21%	3,442,202,540
Lợi nhuận chưa phân phối	7.85%	341,351,396

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17.03%	10,512,440,000	17.03%	10,512,440,000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12.32%	7,602,110,000	12.32%	7,602,110,000
Ông Hoàng Văn Điều	9.38%	5,788,600,000	9.38%	5,788,600,000
Bà Lại Thị Hồng Điệp	5.77%	3,558,630,000	5.77%	3,558,630,000
Ông La Thế Nhân	4.79%	2,955,500,000	4.79%	2,955,500,000
Cổ đông khác	43.65%	26,949,810,000	43.65%	26,949,810,000
Cổ phiếu quỹ	7.06%	4,358,140,000	7.06%	4,358,140,000
	<b>100%</b>	<b>61,725,230,000</b>	<b>100%</b>	<b>61,725,230,000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61,725,230,000	61,725,230,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	61,725,230,000	58,480,640,000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	3,244,590,000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	61,725,230,000	61,725,230,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3,442,202,540	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	3,442,202,540	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6,172,523	6,172,523
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	435,814	435,814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,736,709	5,736,709
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,736,709	5,736,709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,758,775,074	1,477,656,109
	<b>1,758,775,074</b>	<b>1,477,656,109</b>

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	349.08	16,992.94

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	59,932,872,417	84,899,762,474
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24,315,684,164	26,323,513,550
	<b>84,248,556,581</b>	<b>111,223,276,024</b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	59,250,319,993	79,123,613,606
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15,931,530,455	20,233,901,798
	<b>75,181,850,448</b>	<b>99,357,515,404</b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2,250,070,446	1,311,067,606
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,470,000,000	3,000,174,375
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	189,576,018	189,827,812
	<b>4,909,646,464</b>	<b>4,501,069,793</b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	146,996,468	195,154,594
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	127,197,224	298,412,505
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	25,208,891	14,215,426
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	38,441,140
	<b>299,402,583</b>	<b>546,223,665</b>

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	88,500
Chi phí nhân công	413,271,800	619,670,500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441,706,296	581,061,328
Chi phí khác bằng tiền	834,594,482	984,377,571
	<b>1,689,572,578</b>	<b>2,185,197,899</b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	242,842,976	150,006,120
Chi phí nhân công	3,141,823,369	3,218,348,300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,329,634,627	1,204,828,436
Thuế, phí, lệ phí	149,131,036	49,196,249
Chi phí dự phòng	26,000,000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,764,223,769	827,159,993
Chi phí khác bằng tiền	505,366,062	447,554,036
	<b><u>7,159,021,839</u></b>	<b><u>5,897,093,134</u></b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,850,827,867	7,367,673,511
Các khoản điều chỉnh tăng	7,129,833	73,263,126
- Chi phí không hợp lệ	7,129,833	73,263,126
Các khoản điều chỉnh giảm	<b>(4,857,957,700)</b>	<b>(7,440,936,637)</b>
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	<b>(2,470,000,000)</b>	<b>(3,000,174,375)</b>
- Chuyển lỗ các năm trước	<b>(2,387,957,700)</b>	<b>(4,440,762,262)</b>
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19,516,396,087	31,194,736,433
Chi phí nhân công	8,117,445,872	6,789,206,681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8,724,074,336	8,225,885,560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,658,136,493	10,928,854,538
Chi phí khác bằng tiền	8,571,992,145	10,772,059,678
	<b><u>54,588,044,933</u></b>	<b><u>67,910,742,890</u></b>





Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14,717,528,066	-	-	14,717,528,066
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30,326,238,711	-	-	30,326,238,711
Các khoản cho vay	40,700,000,000	-	-	40,700,000,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	<b><u>85,743,766,777</u></b>	<b><u>122,329,200</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>85,866,095,977</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36,743,669,899	-	-	36,743,669,899
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25,473,881,686	-	-	25,473,881,686
Các khoản cho vay	12,500,000,000	-	-	12,500,000,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	<b><u>74,717,551,585</u></b>	<b><u>122,329,200</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>74,839,880,785</u></b>

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	5,999,930,646	-	-	5,999,930,646
	<b><u>5,999,930,646</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5,999,930,646</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	8,217,723,431	-	-	8,217,723,431
Phải trả người bán, phải trả khác	6,415,314,709	-	-	6,415,314,709
Chi phí phải trả	65,849,112	-	-	65,849,112
	<b><u>14,698,887,252</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>14,698,887,252</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	59,925,811,617	24,315,684,164	84,241,495,781
Chi phí bộ phận trực tiếp	59,250,319,993	15,931,530,455	75,181,850,448
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>675,491,624</b>	<b>8,384,153,709</b>	<b>9,059,645,333</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	7,675,321,119	7,675,321,119
Tài sản bộ phận trực tiếp	146,601,111,580	59,485,324,121	206,086,435,701
<b>Tổng tài sản</b>	<b>146,601,111,580</b>	<b>59,485,324,121</b>	<b>206,086,435,701</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	5,632,201,658	2,285,339,706	7,917,541,364
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>5,632,201,658</b>	<b>2,285,339,706</b>	<b>7,917,541,364</b>

**Theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**32 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Nguyễn Thị Ngọc Duyên**  
 Người lập



**Nguyễn Thị Xuân**  
 Kế toán trưởng



**Hoàng Minh Anh Tú**  
 Tổng Giám đốc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2017